

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **52/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 27/4/2021

V/v tranh chấp: “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhật

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Long

2. Ông Lê Văn Kiệt

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Cường – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 850/2020/TLST-HNGĐ ngày 08/12/2020 về việc tranh chấp: “*Ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/3/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Ngọc T**, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: ấp PT, xã P, TP. M, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Anh **Lê Quan H**, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp PT, xã P, TP. M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/12/2020 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Phạm Thị Ngọc T trình bày:

Chị và anh Lê Quan H chung sống với nhau năm 1993, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố M, Tiền Giang vào ngày 9/12/1998. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2000 đến nay thì phát sinh mâu thuẫn do anh H không lo làm ăn, thường xuyên cờ bạc. Do vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Có 2 con chung là Lê Thị Ngọc Đ, sinh ngày 18/7/1995 và Lê Thị Kim T, sinh ngày 23/02/2003. Do các con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là anh Lê Quan H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo v/v thụ lý vụ án nhưng không có ý kiến phản hồi gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện, chị Phạm Thị Ngọc T yêu cầu ly hôn với anh Lê Quan H. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật về tranh chấp “Ly hôn”.

Xét anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh H tại phiên tòa.

[2] Về nội dung: Chị T và anh H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố M, Tiền Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 69, ngày 09/12/1998 là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là xin được ly hôn với anh H, nguyên nhân là do anh H không chăm lo làm ăn, vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau. Xét anh H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì và không đến Tòa án theo giấy triệu tập. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã trầm trọng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Chị T và anh H có 2 con chung là Lê Thị Ngọc Đ, sinh ngày 18/7/1995 và Lê Thị Kim T, sinh ngày 23/02/2003. Xét cháu Đ và cháu T đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Ngọc T.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Ngọc T được ly hôn với anh Lê Quan H.

- Về con chung: Chị T và anh H có 2 con chung là Lê Thị Ngọc Đ, sinh ngày 18/7/1995 và Lê Thị Kim T, sinh ngày 23/02/2003 (đã trưởng thành).

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

2. Án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0004541 ngày 08/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho nên xem như nộp xong.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND TP. M
- Chi cục THADS TP. M
- UBND xã T
- Các đương sự
- Lưu HSAV

Đã ký

Nguyễn Thị Hồng Nhật

Các thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hồng Nhật

